TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN T
TỈNH LONG A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 13/2022/HS-ST
Ngày: 14-7-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T – TỈNH LONG A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc A

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn H

Bà Trần Thị Kham L

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hiếu L – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân T tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim T – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân T, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2022/TLST-HS ngày 23 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2022 đối với:

Bị cáo: Võ Bích T, sinh ngày 28 tháng 12 năm 1991; Nơi sinh: xã Tân T, huyện Tân T, tỉnh Long A; Nơi cư trú: Ấp 5, xã Tân T, huyện Tân T, tỉnh Long A; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch:Việt Nam; con ông Võ Tấn M và bà Lê Kim P; chồng: Phan Thanh C, sinh năm: 1984; Con: có 01 con chung tên Phan Thanh N, sinh năm: 2011; Tiền án: không, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Phan Văn T1, sinh năm: 1979

HKTT: 14/03 ấp Xương Thạnh B, xã Thới T, huyện Thạnh P, tỉnh Bến T.

Chỗ ở hiện nay: Ấp 2, xã Tân K, huyện Tháp M, tỉnh Đồng T (vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Nguyễn Quang D, sinh ngày : 01/01/1984. Nơi cư trú: Ấp 3, xã Tân K, huyện Tháp M, tỉnh Đồng T (vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

Người làm chứng:

+ Anh Đinh Trung N, sinh ngày : 20/07/1991. Nơi cư trú: Ấp 6, xã Tân T, huyện Tân T, tỉnh Long A (vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)..

+ Chị Lê Thị Mỹ H, sinh năm: 1988. Nơi cư trú: Ấp 6, xã Tân T, huyện Tân T, tỉnh Long A (vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)..

+ Anh Hà Trung K, sinh năm: 1988. Nơi cư trú: Ấp 6, xã Tân T, huyện Tân T, tỉnh Long A (vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 15/4/2022, ông Phan Văn T1 đến nhà anh Đinh Trung N, tại ấp 6, xã Tân T, huyện Tân T, tỉnh Long A để vay (mượn) tiền. Anh N cho ông T1 vay 8.000.000 đồng gồm 16 tờ tiền Việt Nam đồng mệnh giá 500.000 đồng. Sau khi vay được tiền, ông T1 ngồi trên võng mắc tại hành lang nhà anh N nói chuyện.

Đến khoảng 09 giờ ngày 15/4/2022, Võ Bích T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Airblade màu đỏ - đen, biển số 66M1-058.96 đến nhà anh N để giao hạt điều cho chị Lê Thị Mỹ H (vợ anh N) gia công. Cùng lúc này, ông T1 để số tiền vừa mượn được trên võng rồi đi ra xe mô tô đậu phía trước sân nhà anh N để lấy bóp da vào đựng tiền. Khi T đang quay đầu xe để đi về thì nhìn thấy có một xấp tiền mệnh giá 500.000 đồng gồm nhiều tờ trên võng nên nảy sinh lòng tham. T lén lút lấy tiền bỏ vào túi xách bằng vải của T đang mang trên vai và điều khiển xe mô tô chạy ra khỏi nhà anh N. Sau khi chạy đi được khoảng 100 mét thì T dừng xe lại dùng dây thun buộc số tiền vừa trộm cắp được rồi bỏ vào bóp da màu đen để trong túi xách và tiếp tục chạy xe đi. Lúc này, ông T1 phát hiện bị mất tiền và nghi ngờ T đã trộm cắp nên nói cho anh N chị Hạnh biết, chị H nhờ anh Hà

Trung K, cư trú cùng ấp gọi điện kêu T quay lại gặp ông T1. Võ Bích T không thừa nhận việc lấy tiền của anh. Do đó, anh T1 trình báo đến Công an xã Tân T. Qua điều tra, T khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản nêu trên.

Tại bản cáo trạng số: 09/CT-VKSTT, ngày 23/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân T truy tố bị cáo Võ Bích T về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo đồng thời phân tích tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi vi phạm pháp luật mà bị cáo Võ Bích T gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; các điều 38, 50, 65 Bộ luật hình sự; Đề nghị xử phạt: bị cáo Võ Bích T từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm.

Về vật chứng trong vụ án: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự, đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 túi xách bằng vải màu xanh, nhãn hiệu KEMITU; 01 bóp da màu đen kích thước 20cm x 10cm là công cụ bị cáo T sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự do bị hại đã nhận lại được tài sản và không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự nên không đề cập

Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được về với gia đình và con của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều phù hợp quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Võ Bích T khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Có đủ cơ sở xác định được: Võ Bích T đã có hành vi lén lút lấy tài sản của ông Phan Văn T1 nhằm mục đích chiếm đoạt. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 8.000.000 đồng. Tại thời điểm thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, bị cáo là người đã thành niên, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện do nảy sinh lòng tham khi nhìn thấy tài sản của bị hại. Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân T, tỉnh Long A truy tố bị cáo với tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, bị hại có đơn đề nghị miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Tuy nhiên, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm tài sản thuộc quyền quản lý, sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ và gây mất an ninh trật tự địa phương. Đồng thời, tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Điều 173 Bộ Luật hình sự không thuộc các tội phạm khởi tố theo yêu cầu của bị hại theo quy định tại Điều 155 Bộ Luật hình sự. Hiện nay, tình hình tội phạm "Trộm cắp tài sản" ngày càng gia tăng không những gây mất an ninh trật tự mà còn gây bức xúc trong nhân dân. Do đó, hành vi phạm tội "Trộm cắp tài sản" của bị cáo cần phải được xử phạt theo quy định của pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và

phòng ngừa chung trên cơ sở xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

[3.1] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ Luật hình sự.

[3.2] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, xét thấy hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị hại có đơn đề nghị xem xét miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do đó, bị cáo được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự.

[3.3] Về nhân thân:

Bị cáo Võ Bích T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, ổn định. Có cơ sở xác định ngoài lần phạm tội này, bị cáo chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú.

[3.4] Xét thấy bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối Cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo, xét thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo cũng có thể giúp cho bị cáo tự cải tạo trở thành người tốt, có ích cho xã hội

[3.5] Từ những phân tích trên, xét lời đề nghị của Kiểm sát viên về áp dụng căn cứ pháp luật, về hình phạt áp dụng đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung: theo quy định khoản 5 điều 173 BLHS, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, không có tài sản riêng; bị cáo có nghề nghiệp làm thuê, thu nhập thấp, bị cáo còn đang nuôi con chưa thành niên ăn học (con sinh năm 2011) nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

[5] Về vật chứng trong vụ án:

[5.1] Tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 8.000.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân T đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bị hại Phan Văn T1. Việc hoàn trả vật chứng nêu trên cho bị hại là đúng quy định của pháp luật.

[5.2] Đối với 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda, số loại Airblade màu sơn đỏ - đen, biển số 66M1-058.96, số máy 27E-1074069, số khung BY-273968 là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Quang D, sinh ngày 01/01/1984, HKTT: Ấp 3, xã Đốc Binh Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, bị cáo T mượn xe mô tô trên của anh Nguyễn Quang D để làm phương tiện đi lại sau đó sử dụng vào việc phạm tội anh D không biết. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân T, tỉnh Long A đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Nguyễn Quang D là đúng quy định của pháp luật.

[5.3] Đối với 01 túi xách bằng vải màu xanh, nhãn hiệu KEMITU; 01 bóp da màu đen kích thước 20cm x 10cm là công cụ T sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Xét thấy giá trị không lớn nên cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Phan Văn T1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có văn bản trình bày ý kiến là đã nhận lại được tài sản mà bị cáo chiếm đoạt. Bị hại không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự.

[7] Về án phí: Bị cáo Võ Bích T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Võ Bích T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 38, 50, 65 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt: bị cáo Võ Bích T 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng.

3. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Tân T, huyện Tân T, tỉnh Long A giám sát, giáo dục. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; các điều 46, 47 Bộ luật hình sự;

Tịch thu tiêu hủy 01 túi xách bằng vải màu xanh, nhãn hiệu KEMITU; 01 bóp da màu đen kích thước 20cm x 10cm.

Hiện vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân T đang quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số 09/QĐ-VKSTT ngày 23/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thanh5va2 biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/7/2022.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Võ Bích T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các điều 331, 333 Bộ Luật tố tụng hình sự;

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Long A;
- VKSND tỉnh Long A;
- Sở tư pháp tỉnh Long A
- VKSND huyện Tân T;
- Công an huyện Tân T;
- Chi cục THADS huyện Tân T;
- Bị cáo; Đương sự;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc A